TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/2024/QĐST-HNGĐ	***Y,*** *ngày 09 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1989; địa chỉ phố Nam Giang, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T1 sinh năm 1983; địa chỉ phố Nam Giang, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01/4/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T1

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể N sau:

Về con: Chị T và anh T1 có 02 con là cháu Đỗ Ngọc Bảo N sinh ngày 10/5/2016 và cháu Đỗ Ngọc N1 sinh ngày 16/01/2019; chị T và anh T1 thỏa thuận giao cả hai cháu N và cháu N1 cho anh T1 nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh T1 không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T1 và anh T1 cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cả 02 cháu N và cháu N1.

Chị T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N và cháu N1 được sống chung với anh T1 và chị T có quyền thăm nom cháu N và cháu N1; anh T1 không được cản trở chị T trong việc thăm nom cháu N và cháu N1.

Về tài sản: Chị T và anh T1 cùng trình bày, vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T và anh T1 thỏa thuận chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001594 ngày 28/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, chị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- UBND thị trấn N
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực